Kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2001-2010 và hướng phát triển 10 năm tới

VÕ HÙNG DŨNG

Bài viết nêu lên bức tranh toàn cảnh kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong 10 năm qua (từ năm 2001 2010), rút ra một số nhận định về sự tác động các mặt tích cực và tiêu cực trong quá trình phát triển kinh tế, nêu những khó khăn, thách thức và giải pháp cho sự phát triển nhanh và bền vững của vùng.

1. Kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2001 - 2010

1.1. Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng trung bình (tính theo GDP) từ năm 2001 đến 2010 vào khoảng 11,2% (trung bình của cả nước là 7,3% nhưng đây là dựa theo số liệu thống kê của địa phương). Tăng trưởng các năm 2001-2005 là 10,5%, các năm 2006-2010 là 12%. Trong 10 năm qua, tăng trưởng trung bình của khu vực I là 6,3%, của khu vực II là 17% và khu vực III là 14%.

HÌNH 1: **Tăng trưởng kinh tế ở ĐBSCL và chia theo các tiểu vùng**

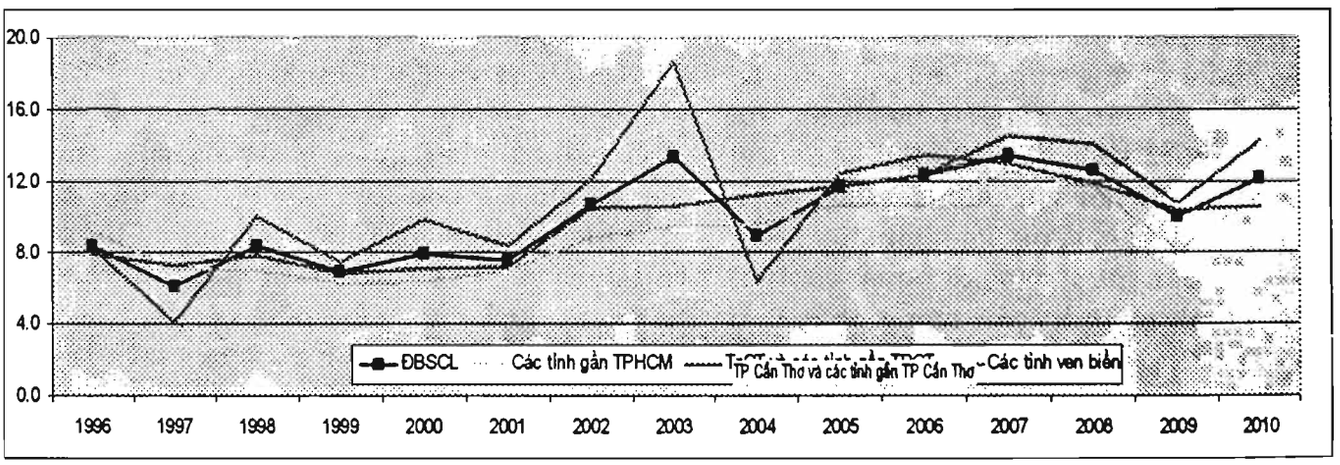

Nguồn: Số liệu từ Niên giám thống kê địa phương.

Khi chia Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) thành 3 vùng để nghiên cứu: vùng ven biển (Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang), các tỉnh vùng đệm (tiếp giáp Tp Hồ Chí Minh và các tỉnh trung tâm (Tp. Cần Thơ, Vĩnh Long, An Giang, Hậu Giang và Đồng Tháp), cho thấy khu vực trung tâm đã có sự tăng trưởng nhanh hơn từ năm 2007. Ngược lại các tỉnh ven biển tăng trưởng khá cao từ năm 1996 đến 2003 thì suy yếu và tăng trưởng chậm hơn. Các tỉnh thuộc khu vực tiếp giáp Tp. Hồ Chí Minh và vùng ĐBSCL là Long An, Tiền Giang, Bến Tre có tốc độ tăng trưởng chậm nhất trong nhiều năm qua. Nhưng có thể sẽ tăng nhanh hơn các tỉnh ven biển trong thời gian tới.

Với các tỉnh trong vùng trọng điểm (Tp. Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang và Cà Mau) chiếm hơn 40% sản lượng kinh tế toàn vùng mặc dù có tốc độ tăng trưởng khá cao (13%) trong các năm 2006-2010,

Võ Hùng Dũng, TS., VCCI Cần Thơ.

nhưng chưa thấy sự vượt trội so nhóm các tỉnh còn lại (11,5%).

1.2. Về cơ cấu kinh tế

Nông nghiệp (và thủy sản) chiếm 40%, công nghiệp và xây dựng vào khoảng 25%, còn lại là dịch vụ vào khoảng 35%. Sự thay đổi cơ cấu kinh tế diễn ra khá nhanh từ sau năm 2000 đến nay: khu vực I giảm 14,5%, khu vực II tăng 8% và khu vực III tăng 6,5%. Trong cơ cấu lao động, khu vực I năm 2010 còn chiếm gần 50%, khu vực II chiếm 19% và khu vực III là 32%.

BẢNG 1: **Thay đổi cơ cấu GDP và lao động trong vùng ĐBSCL**

	Năm 1996	Năm 2000	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2005/ 2000	Năm 2010/ 2005	Năm 2010/ 2000
GDP	100,0	100,0	100,0	100,0			
Khu vực I	58,9	54,0	46,1	39,6	-7,9	-6,5	-14,4
Khu vực II	15,0	17,6	22,7	25,7	5,1	3,0	8,1
Khu vực III	26,1	28,2	31,1	34,7	2,9	3,6	6,5
Lao động	100,0	100,0	100,0	100,0			
Khu vực I	65,6	61,5	58,7	49,5	-2,8	-9,2	-12,0
Khu vực II	10,2	11,2	13,7	18,6	2,5	4,9	7,4
Khu vực III	24,2	27,3	27,6	31,9	0,3	4,3	4,6

Nguồn: GDP từ Niên giám thống kê địa phương, lao động từ Tổng cục Thống kê và Bộ Lao động, thương binh -xã hội.

Sự thay đổi cơ cấu lao động ở khu vực I trong 5 năm trở lại đây diễn ra nhanh hơn so với trong GDP, làm cho năng suất lao động trong nông nghiệp tăng lên nhanh hơn so 5 năm trước đó (bảng 1).

1. 3. Các ngành kinh tế chủ yếu

Công nghiệp chiếm vào khoảng 10% giá trị sản xuất công nghiệp cả nước, có tỷ lệ tăng trưởng vào khoảng 15,8% từ năm 2001-2010. Nhóm ngành nhóm công nghệ thấp chiếm hơn 80%, nhóm công nghệ trung bình hơn 15%, nhóm có công nghệ cao chiếm dưới 4%. Lực lượng lao động trong công nghiệp chủ yếu cũng nằm trong nhóm có công nghệ thấp (hơn 75%).

Phần lớn công nghiệp của vùng là chế biến hàng hóa có nguồn gốc từ sản phẩm nông nghiệp. Chế biến thực phẩm chiếm vào khoảng 65% giá trị sản xuất công nghiệp của vùng.

Tăng trưởng nông nghiệp vào khoảng 3,3% trong khoảng thời gian từ năm 2001-2010. Sản xuất nông nghiệp chiếm 33% của cả nước với 3 nhóm sản phẩm chính: lúa gạo, thủy sản và trái cây, rau quả. Lúa năm 2010 đạt 21,6 triệu tấn, chiếm hơn 1/2 sản lượng cả nước. ĐBSCL là nơi cung cấp hầu hết lượng gạo xuất khẩu nhờ vào sự phát triển cụm ngành, hệ thống và logistic. Xuất khẩu gạo năm 2010 đạt 6,9 triệu tấn với kim ngạch xuất khẩu 3,2 tỷ USD.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng của ĐBSCL năm 2010 lên đến 1,94 triệu tấn, chiếm hơn 70% sản lượng thủy sản nuôi cả nước, trong đó tôm nuôi chiếm 80%, cá nuôi hơn 70%. Riêng cá Tra sản lượng hơn 1,3 triệu tấn trên vùng nuôi tập trung chưa đến 10 nghìn ha, cung cấp cho ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu gần 1,5 tỷ USD.

ĐBSCL cũng là vùng trồng cây ăn trái lớn với diện tích 260 nghìn ha, sản lượng trên 3 triệu tấn. Nổi tiếng với các nhóm trái cây nhiệt đới: thanh long, măng cụt, sầu riêng, xoài, bưởi, cam, quýt, chôm chôm,... Cây trái có mặt hầu như quanh năm, không mùa nào là không có trái cây tươi.

Kim ngạch xuất khẩu toàn ước tính vào khoảng 8-9 tỷ USD. Hai nhóm sản phẩm chính: lúa gạo (trên 3 tỷ USD), thủy sản (tôm, cá... trên 3 tỷ USD) chiếm đến 70% kim ngạch. Còn lại là các sản phẩm khác như trái cây, hàng may mặc, dừa và sản phẩm từ dừa, hàng thủ

công, mỹ nghệ, may thêu. Điểm đặc biệt trong xuất khẩu của vùng là những sản phẩm nội địa, do các công ty địa phương xuất khẩu, thặng dư ròng xuất khẩu rất cao. Nhập khẩu do các công ty trong vùng thực hiện rất thấp, năm 2010 ước tính khoảng 3 tỷ USD. Thông thường nhập khẩu chỉ vào khoảng 30-40% so với xuất khẩu.

Thương mại bán lẻ: tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2010 vào khoảng 277,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 18% tổng mức bán lẻ hàng hóa tiêu dùng cả nước. Tỷ lệ tăng bình quân 2001-2010 là 21%, gần bằng mức tăng của cả nước (22%). Thương mại bán lẻ của vùng là động lực lớn cho sự phát triển khu vực Tp Hồ Chí Minh.

Vận tải hàng hóa: khối lượng vận chuyển hàng hàng hóa của vùng năm 2009 vào khoảng 81,7 triệu tấn, chiếm vào khoảng 12,2% tổng mức vận chuyển hàng hóa cả nước. Tỷ lệ tăng bình quân các năm 2006-2009 là 8,3%, thấp hơn rất nhiều so mức tăng 15,4%/năm của các năm 2001-2005. Tỷ lệ tăng trên cũng thấp hơn nhiều so mức tăng bình quân của nước (13%/ năm các năm 2006-2009 và 16,2% các năm 2001-2005).

Thu hút vốn đầu tư nước ngoài: đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký năm 2010 có 98 dự án, với số vốn đăng ký 1,82 tỷ USD, bằng 9,2% so với cả nước. Tính từ năm 1988 đến 2010, tổng số dự án đầu tư FDI còn hiệu lực là 565 dự án và 9,44 tỷ USD bằng 4,9% FDI cả nước.

1.4. Doanh nghiệp

Tổng số doanh nghiệp của vùng vào khoảng gần 60.000, theo số liệu từ các cơ quan đăng ký kinh doanh. Nhưng các số liệu này khó sử dụng trong phân tích vì mức độ tin cậy, thiếu nhiều tiêu chí so sánh.

Số liệu do Tổng cục Thống kê công bố số doanh nghiệp ĐBSCL đến năm 2009, là 23.220 doanh nghiệp, chiếm 9,3% tổng số doanh nghiệp cả nước. Tốc độ tăng trưởng bình quân từ năm 2001-2009 là 10%, chỉ bằng 1/2 tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp cả nước.

Vào năm 2000-2001, 2 năm đầu của Luật Doanh nghiệp, ĐBSCL có số doanh nghiệp chiếm trên 20% tổng số doanh nghiệp cả nước, năm 2005 giảm còn gần 13%, năm 2008 và 2009 tiếp tục giảm xuống còn dưới 10%. Điều này đặt ra câu hỏi vì sao với một vùng kinh tế tiềm năng, tốc độ phát triển của doanh nghiệp lại chậm chạp, thậm chí phải nói là suy yếu đến như vậy?

So sánh các chỉ tiêu hiệu quả cho thấy doanh nghiệp trong vùng thấp hơn so trung bình quốc gia và một số vùng khác. Bình quân số lao động/mỗi doanh nghiệp bằng 2/3, số vốn chỉ bằng 1/3 so mức chung cả nước. Mặc dù tất cả các chỉ tiêu này đã có cải thiện hơn so với 2 năm trước nhưng vẫn còn thấp xa mức trung bình chung, các tiêu chí lợi nhuận và nộp thuế chỉ bằng 50%, đầu tư tài sản chưa bằng 1/3 so mức trung bình cả nước.

HÌNH 2 : **Doanh nghiệp ở ĐBSCL: tốc độ phát triển và tỷ lệ so với cả nước**

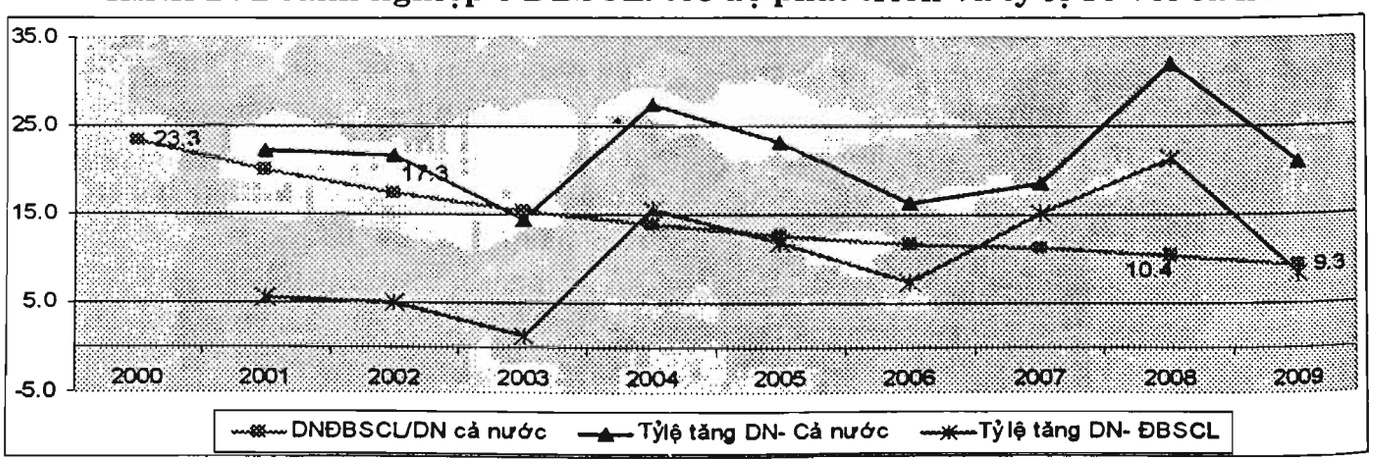

Nguồn: Số liệu Tổng cục Thống kê.

Trong số doanh nghiệp nói trên, doanh nghiệp nhỏ chiếm 28,3%, doanh nghiệp siêu nhỏ là 68,4%, còn lại là doanh nghiệp có qui mô vừa và lớn[1].

Phần lớn doanh nghiệp nằm trong ngành thương mại (43%) và công nghiệp chế biến (20%), kế đến là xây dựng (15%). Doanh nghiệp nông nghiệp, thủy sản chiếm hơn 6%, vận tải chừng 4%. Cả 5 nhóm ngành này chiếm vào khoảng 90% trong tổng số doanh nghiệp. Trong khi doanh nghiệp thương mại và công nghiệp có xu hướng giảm trong cơ cấu, thì doanh nghiệp xây dựng, vận tải và hoạt động dịch vụ, du lịch có xu hướng tăng lên.

Xu hướng này cũng tương tự như cấu trúc doanh nghiệp chung của cả nước. Ngành thương mại chiếm cơ cấu khá lớn trong các năm đầu, sau đó thì giảm dần. Ngành công nghiệp cũng có tình trạng tương tự như vậy. Các năm về sau thì số lượng doanh nghiệp nhiều hơn trong các lĩnh vực xây dựng, dịch vụ như vận tải, thông tin, tài chính, tư vấn, khoa học công nghệ.

Qui mô doanh nghiệp nhỏ, tốc độ phát triển chậm, đầu tư từ bên ngoài vào như nguồn vốn FDI rất thấp, đầu tư từ năng lực doanh nghiệp trong vùng cũng rất thấp. Với bức tranh về doanh nghiệp như trên có thể nói là không tốt cho năng lực dài hạn của ĐBSCL.

1.5. Môi trường kinh doanh

Sự thay đổi đáng kể là môi trường kinh doanh đã không ngừng được cải thiện trong mấy năm gần đây của các tỉnh trong vùng.

Năm 2005, khi công bố chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), ĐBSCL có Bạc Liêu và Cà Mau không tham gia do số lượng doanh nghiệp không đủ. Từ năm 2006 trở đi ĐBSCL đã tham gia đầy đủ và tăng dần trong các bảng xếp hạng.

Nếu như năm 2006 không có tỉnh nào ở ĐBSCL nằm trong "top" rất tốt, thì năm 2009 có 2 tỉnh nằm trong nhóm này. Nếu như năm 2006 cho đến năm 2008, ĐBSCL còn có tỉnh nằm trong nhóm thấp, đến năm 2009 không còn tỉnh nào nằm trong nhóm này. Hai tỉnh dẫn đầu trong vùng là Đồng Tháp và Vĩnh Long nằm trong nhóm có thứ hạng cao nhất cả nước (nằm trong "top" 5) đã được mời trao giải thưởng tại hội nghị công bố.

Năm 2010 khá đặc biệt khi lần đầu tiên tất cả 13 tỉnh, thành phố đều xếp vào nhóm khá đến rất tốt, không có tỉnh thứ hạng trung bình trở xuống. Trong 10 tỉnh dẫn đầu thì ĐBSCL có đến 5 tỉnh, nếu là 15 tỉnh dẫn đầu thì ĐBSCL có 8 tỉnh.

Sự cải thiện môi trường kinh doanh nói trên là những nỗ lực lớn của các tỉnh nhưng chưa đi đôi với nó là sự phát triển doanh nghiệp và thu hút đầu tư.

1.6. Một số nhận xét

• *Tăng trưởng cao nhưng không thật*

Tăng trưởng kinh tế của vùng thường được đánh giá là cao. Với mức tăng trung bình 11,2% năm từ 2001-2010, cao hơn rất nhiều so bình quân chung cả nước. Trong tổng mức tăng trưởng chung đó một số tỉnh có số tăng "kỷ lục" nhiều năm như Đồng Tháp tăng đến 16,6% trong năm 2008 và 13% trong năm 2010. Rất nhiều tỉnh có khu vực công nghiệp xây dựng tăng đến trên 25% trong mấy năm liền như Long An, Đồng Tháp, Cà Mau. Nhiều tỉnh có mức tăng trên 20%/năm của khu vực II trong các năm 2006-2008, nhưng đã có nhiều một số nghiên cứu chỉ ra rằng dữ liệu thống kê về tăng trưởng của địa phương là không thật.

Nếu ĐBSCL thật sự có mức tăng trưởng cao

[1] Doanh nghiệp siêu nhỏ có số lao động dưới 10 người. DN nhỏ có số lao động trên 10 đến dưới 200 và số vốn dưới 20 tỷ đ (trong ngành thương mại, dịch vụ lao động từ 10 đến dưới 50, vốn dưới 10 tỷ. DN qui mô vừa có số vốn trên 20 tỷ đ đến dưới 100 tỷ đ, lao động từ trên 200 đến dưới 300 (trong ngành thương mại và dịch vụ thì số vốn từ trên 10 tỷ đ đến dưới 50 tỷ đ, lao động từ trên 50 đến dưới 100). DN qui mô lớn có số vốn trên 100 tỷ và lao động trên 300 (trong ngành thương mại, dịch vụ thì vốn trên 50 tỷ đ, lao động trên 100). Tổng cục Thống kê, Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam năm 2009, tập 1, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2011, tr. 32.

gần gấp đôi so với cả nước trong nhiều năm, thì thu nhập tính trên đầu người của vùng cũng phải cao hơn so với trung bình cả nước[2]. Nhưng các số liệu điều tra về thu nhập cho thấy tình hình ngược lại.

Những kiểm chứng khác bao gồm việc xem xét sản lượng của một số ngành chủ yếu như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại so với cả nước, ĐBSCL đang giảm dần tỷ trọng ở nhiều ngành quan trọng.

Giá trị sản xuất công nghiệp của vùng năm 2010 đạt 80 nghìn tỷ đồng, chiếm 10% giá trị tổng sản xuất công nghiệp (tính theo giá cố định) cả nước, tăng nhưng không nhiều so với con số 9,3% hồi năm 2000.

Với nông nghiệp, giá trị sản xuất năm 2010 đạt 56,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 33% giá trị sản xuất nông nghiệp cả nước, giảm so mức 36% vào năm 2000.

Tổng mức bán lẻ năm 2010 chiếm 18% của cả nước, giảm so mức 19,7% hồi năm 2000. Trong vận tải hàng hóa năm 2009 cũng chỉ còn chiếm 12,2%, giảm so mức 15% vào năm 2000. Với xuất khẩu, ĐBSCL chỉ chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước và giữ ở mức này trong nhiều năm qua..

Với các dữ liệu trên, có thể khẳng định trong 10 năm qua, ĐBSCL không thể có mức tăng trưởng cao hơn so với cả nước. Số liệu về tăng trưởng kinh tế của địa phương ẩn chứa nhiều sai sót là tình trạng phổ biến trong cả nước, chứ không riêng gì với ĐBSCL.

• *Cơ cấu kinh tế yếu kém*

Cho đến năm 2010 khu vực I vẫn còn chiếm đến 40% trong GDP và khu vực II là 25%. Vấn đề không ở chỗ các ngành nông nghiệp, thủy sản còn quá lớn, ngành công nghiệp chế biến quá nhỏ, mà ở chỗ cơ cấu trong nông nghiệp không có thay đổi. Hàm lượng công nghệ sản phẩm thấp. Chưa có sự thay đổi đáng kể về phương thức canh tác để gia tăng năng suất, kiểm soát dịch bệnh và ô nhiễm môi trường.

Trong công nghiệp chế biến thì phần lớn chế biến thô từ sản phẩm nông nghiệp, giá trị gia tăng thấp. Nhóm ngành có công nghệ thấp có tốc độ tăng trưởng khá cao và chiếm trên 80% giá trị sản lượng, tăng hơn mức 75% của năm 2005.

Cơ cấu kinh tế này chi phối lớn đến tình hình phát triển doanh nghiệp và thu hút đầu tư từ bên ngoài. Nó cũng chi phối cả đến các hoạt động đào tạo, dạy nghề, hướng nghiệp.

Có thể nói với cơ cấu kinh tế hiện ĐBSCL đã không tận dụng được các lợi thế đang có. Sự hỗ trợ của công nghiệp với nông nghiệp là không đáng kể. Ngược lại chính nông nghiệp mới là ngành hỗ trợ công nghiệp thông qua việc cung cấp nguyên liệu chế biến. Các ngành công nghiệp cung cấp đầu vào cho nông nghiệp như cơ khí, thức ăn chăn nuôi, phân bón hầu hết nằm ngoài vùng. Chi phí vận chuyển cao đều tính vào giá thành hàng hóa trao đổi mà thiệt thòi nghiêng về phía trong vùng, vào nông nghiệp.

Không tận dụng được vị trí địa kinh tế của vùng tiếp giáp với biển, tiếp giáp biên giới. Nền kinh tế của Cămpuchia đã phát triển khá mạnh trong mấy năm gần đây. Buôn bán qua biên giới có tăng lên, nhưng ĐBSCL chỉ đóng vai trò trạm trung chuyển cho hàng hóa từ nơi khác. Biển Tây của Việt Nam là cửa ngõ đi ra của vịnh Thái Lan, có đảo Phú Quốc và nhiều đảo nhỏ khác nhưng vẫn chưa phát huy được tác dụng trong kinh tế biển và buôn bán với các nước lân cận, du lịch cũng chưa phát triển được là mấy.

[2] Khi cho rằng tăng trưởng kinh tế ĐBSCL năm 2010 cao gấp đôi so cả nước, Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ cũng đưa ra con số thu nhập đầu người năm 2010 của vùng là 21 triệu đồng. So với mức thu nhập bình quân chung cả nước do Tổng cục Thống kê công bố trong Niên giám thống kê năm 2010 là 22,79 triệu đồng thì thu nhập bình quân của vùng ĐBSCL cũng chỉ bằng 92% so cả nước. Tính theo USD thì thu nhập bình quân đầu người ở ĐBSCL là 1.077 so với 1.169 là của cả nước.

Hệ thống cơ sở hạ tầng yếu kém làm gia tăng chi phí vận chuyển. Đầu tư giao thông thủy yếu kém, chẳng những không khai thác được ưu thế có một không hai của vùng này về đường sông, biển, mà còn để xảy ra nhiều điểm tắt nghẽn triền miên, thậm chí còn căng thẳng hơn so với giao thông đường bộ.

Yếu kém về công nghiệp, thiếu đô thị trung tâm đóng vai trò dẫn dắt, mối quan hệ với Tp HCM trở thành mối quan hệ một chiều. Lợi ích nghiêng về Tp HCM với tư cách thành phố công nghiệp và dịch vụ. ĐBSCL là vùng cung cấp nguyên liệu và là thị trường tiêu thụ hàng hóa của Tp HCM. Hàng hóa vận chuyển hầu hết phải qua Tp HCM, chi phí gia tăng thì ĐBSCL gánh chịu, với nhiều khoản thuế xuất nhập khẩu hàng hóa thì ĐBSCL không thể thu được. Xuất nhập khẩu là hoạt động biểu thị rõ nét sự méo mó này.

Khoa học công nghệ phát triển yếu kém, chậm chạp đã không thu hút được lao động có trình độ và chuyên môn vào làm việc mà cũng không giữ chân được nguồn lao động có kỹ năng đã được đào tạo, làm cho cơ cấu kinh tế vốn đã yếu kém lại càng bị thụt lùi thêm.

• *Cơ sở hạ tầng, giao thông yếu kém*

Yếu kém về hạ tầng đã cản trở tăng trưởng và phát triển nhiều năm qua của vùng ĐBSCL. Tỷ lệ đóng góp GDP vùng ĐBSCL là vùng đứng thứ 3 cả nước, nhưng tỷ lệ tổng đường được rải nhựa thấp thứ hai cả nước, thấp hơn cả Tây Nguyên và Trung Bộ, trong khi giá điện trung bình cao thứ hai cả nước.

Theo điều tra PCI năm 2009 cho biết 36,4% doanh nghiệp trong vùng ĐBSCL có sản phẩm bị hư hại do chất lượng đường sá kém, giá trị thiệt hại cho mỗi doanh nghiệp trung bình là 25 triệu đồng/năm.

Khi khảo sát doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp có ý định đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh vào vùng ĐSSCL, thì hầu hết cho biết ý kiến lựa chọn vào Long An, Cần Thơ, hoặc Vĩnh Long là những tỉnh có cơ sở hạ tầng tốt, hoặc gần với thành phố lớn.

Yếu kém giao thông hiện nay là trở lực lớn cho phát triển thể hiện ở nhận thức từ cấp hoạch định chiến lược trung ương. ĐBSCL là vùng sản xuất hàng hóa nông sản với khối lượng vận chuyển lớn, nhưng bị quy hoạch kém và thiếu đầu tư.

• *Nguồn nhân lực thiếu và rất yếu*

Trình độ nhân lực là điểm yếu kéo dài nhiều năm của vùng. Ngay từ cuộc điều tra năm 1989, ĐBSCL cũng đã nằm trong vùng có tỷ lệ dân số đi học rất thấp. Cuộc điều tra năm 1999 xác nhận một lần nữa việc học hành của dân cư chưa có biến chuyển. Tỷ lệ người chưa đi học chiếm đến 11,6%, cao hơn mức 10% bình quân cả nước, gấp đôi vùng Đồng bằng sông Hồng, đứng thứ 3 sau các vùng có tỷ lệ chưa đi học nhiều nhất là Tây Bắc, Tây Nguyên và Đông Bắc. Tỷ lệ đi học tiểu học lại là cao nhất nước chiếm đến 52%, cao hơn mức trung bình cả nước là 37%, nhưng với tỷ lệ đi học phổ thông cơ sở, phổ thông trung học lại thấp hơn, và đặc biệt thấp ở tỷ lệ học cao đẳng và đại học, tỷ lệ chỉ ở mức 1,2% so với 2,86% của cả nước, là thấp nhất so các vùng.

Ở trình độ đào tạo chuyên môn từ sơ cấp, trung cấp đến đại học, ĐBSCL cũng nằm ở tỷ lệ thấp nhất. Chẳng hạn với đại học, ĐBSCL có tỷ lệ là 2%, so với 2,7% của Trung du và miền núi phía Bắc, và 6,3% của vùng Đồng bằng sông Hồng. Trong danh sách 15 tỉnh, thành phố có vị trí cao nhất về học vấn, không có địa phương nào của ĐBSCL, ngay cả với Cần Thơ là thành phố duy nhất trong 5 thành phố trực thuộc Trung ương không nằm trong danh sách nói trên.

Trình độ học vấn và đào tạo có liên quan đến mức độ giàu nghèo. Theo số liệu điều tra mức sống dân cư năm 2010 thì thu nhập bình quân

Nhưng ĐBSCL cũng đang sở hữu những thế mạnh mà nhiều vùng khác trong nước không có:

Vùng nông nghiệp an toàn, tỷ lệ đất huy động vào sản xuất cao, có khả năng sản xuất cho năng suất cao với nhiều loại nông sản thiết yếu như lúa gạo, cây lương thực, thủy sản, hải sản, trái cây, rau và quả. Phần khá lớn trong số này đã tham gia xuất khẩu, mang lại nhiều ngoại tệ cho đất nước, ổn định an ninh lương thực, thực phẩm. Chỉ với tiềm năng này, ĐBSCL đã có thể là vùng đất trù phú giàu có. Nếu hiện tại chưa giàu thì hoặc là làm ăn dở, hoặc do bị lấy đi quá nhiều, dành nhiều cho sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước.

Thuận lợi giao thông cả đường thủy, đường bộ và đường biển. Không có vùng nào trong cả nước, kể cả Đồng bằng sông Hồng có được những ưu thế này. Kết hợp được các ưu thế này, với sự phát triển của đường không thì ĐBSCL thay đổi hoàn toàn diện mạo kinh tế bởi hiệu quả của sự kết hợp vận chuyển đa phương tiện, đa phương thức. Với tổng mức bán lẻ hiện đang chiếm khoảng 19% của cả nước, tăng trung bình 23% năm, thì đầu tư vào giao thông cho vùng này là đầu tư mang lại hiệu quả cao cho đất nước.

Địa kinh tế thuận lợi. Một phần nằm trong vùng biển Tây, một phần nằm trong vùng biển Đông, chiều dài tiếp giáp biển hơn 600km. Có đường biên giới dài 350km với Cămpuchia, một quốc gia giữ vai trò ngày càng quan trọng về kinh tế và chính trị trong vùng Đông Nam Á, có tốc độ phát triển kinh tế khá nhanh trong mấy năm gần đây, giới đầu tư nước ngoài đang ngày càng quan tâm. ĐBSCL cũng tiếp giáp với Tp HCM, thành phố lớn nhất nước, trung tâm công nghiệp thương mại và tài chính của quốc gia.

Với những điểm mạnh đang có, ĐBSCL cần quan tâm khai thác tối đa trong chiến lược phát triển tới.

Với vị trí như vậy, ĐSCL hoàn toàn có khả năng tiến hành nhiều hoạt động kinh tế, thương mại, hàng hải với trong nước và ngoài nước thuộc khu vực. Trong nhiều năm vấn đề địa kinh tế của vùng hầu như không được nhắc đến mà chỉ nhấn mạnh đến ưu thế về nông nghiệp và tiến hành các chiến lược khai thác nông ngghiệp. Khai thác nông nghiệp thì ĐBSCL chỉ có thể là vùng cung cấp nguyên liệu cho Tp HCM, là sân sau và là thị trường tiêu thụ của Tp HCM. Khai thác nông nghiệp là nhấn mạnh đến tính hướng nội, quay vào bên trong. Khai thác ưu thế về địa lý, kinh tế, chính trị, ĐBSCL có thể tận dụng ưu thế của Tp HCM và thế mạnh của mình để phát triển thương mại với các quốc gia trong vùng, tạo thêm sức mạnh cho cả vùng phái Nam của quốc gia chứ không chỉ cho ĐBSCL hay Tp HCM.

ĐBSCL cũng đang chiếm giữ lực lượng lao động khá đông đảo. Với khoảng 10 triệu lao động, gần 1/2 trong số đó nằm trong nông nghiệp có thể chuyển sang công nghiệp. Phần lớn số lao động này chưa được đào tạo, có thể chấp nhận mức lương thấp cho những ngành thâm dụng lao động. Khi cơ sở hạ tầng, giao thông được cải thiện, ĐBSCL hoàn toàn có khả năng triển khai các ngành thâm dụng lao động như trên thì sẽ sử dụng số lao động tại chỗ và hút trở lại một phần lực lượng lao động đã ra đi. Điều đó không chỉ cơ cấu lại cấu trúc kinh tế của vùng, mà là cơ cấu lại cấu trúc kinh tế cho Tp HCM và các tỉnh miền Đông chuyển sang những ngành ít thâm dụng lao động hơn.

2.1. Tăng trưởng và cơ cấu kinh tế

Tăng trưởng kinh tế của vùng trong 10

năm tới dự báo trong khoảng từ 12-13% năm. Vấn đề còn tùy thuộc vào phương pháp đánh giá. Nếu Tổng cục Thống kê thay đổi phương pháp và hướng dẫn lại cách tính toán số liệu ở cấp địa phương, thì tỷ lệ tăng trưởng cấp địa phương sẽ không còn cao ngất ngưởng. Dù thế nào thì ĐBSCL cũng cần đạt mục tiêu thu nhập bình quân đầu người phải bằng với mức trung bình của quốc gia. Với mục tiêu này, tăng trưởng của vùng phải cao hơn so với cả nước từ 1,5-2%.

Sự thay đổi cơ cấu ngành sẽ diễn ra theo hướng tăng khu vực công nghiệp, dịch vụ vào khoảng trên 70% và nông nghiệp giảm còn khoảng dưới 30% GDP vào năm 2020. Trong cơ cấu lao động, khu vực I giảm còn trên 30%, lao động phi nông nghiệp sẽ chiếm đến hơn 65%. Trong 10 năm tới, khu vực I giảm trên 10% trong GDP và hơn 15% trong lao động. Đô thị hóa cần được thúc đẩy để hỗ trợ cho quá trình chuyển dịch cơ cấu và nâng cao mức sống. Tỷ lệ dân số đô thị cần nâng lên ở mức trên 35% vào năm 2020, số dân sống trong vùng nông thôn cần được giảm xuống dưới mức 65%.

Năng suất lao động trong nông nghiệp tăng lên là điều kiện cơ bản để cải thiện thu nhập của nông dân. Tăng trưởng năng suất phải đến từ sự thay đổi công nghệ, chứ không chỉ đơn thuần do chuyển dịch cơ cấu. Do vậy phải có sự đầu tư thích đáng cho khoa học, công nghệ, cơ giới hóa để đảm bảo quá trình rút dần lao động ra khỏi nông nghiệp và duy trì tốc độ tăng trưởng nông nghiệp ở mức 4-5%/năm trong 10 năm.

Quan điểm trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế là phải đảm bảo sự phát triển bền vững và nâng cao mức sống cư dân trong vùng. Với quan điểm này phải đẩy mạnh phát triển công nghiệp, chỉ với nông nghiệp, thủy sản thì không có cách gì ĐBSCL có thể tiến lên giàu có. Thiếu vắng công nghiệp sẽ rất khó để phát triển dịch vụ và hình thành những khu vực đô thị mới.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong thời gian đầu cần dựa trên thế mạnh đang có, sau đó sẽ chuyển dần lên bước thang công nghệ nhờ nâng cấp cơ sở hạ tầng và nâng cao chất lượng lao động. Với quan điểm này trong 5 năm đầu, ĐBSCL tiếp tục với những sản phẩm chính của nông nghiệp đang có lợi thế so sánh như lúa gạo, thủy sản, cây ăn trái và rau quả. Giai đoạn tiếp theo là phải chuyển sang phát triển những ngành công nghiệp lợi thế so sánh, chuyển sang lợi thế cạnh tranh ở những bước tiếp theo.

Cơ cấu kinh tế nhằm đảm bảo sự phân công trong nước. ĐBSCL với trọng tâm sản xuất nông nghiệp (lương thực, thủy sản, chăn nuôi, rau quả) là lo cho an ninh lương thực và thực phẩm quốc gia, thì quốc gia phải có trách nhiệm đầu tư trở lại đảm bảo cho đời sống của cư dân trong vùng chí ít phải trên mức trung bình của quốc gia. Nếu không làm được điều ấy, nông dân sẽ bỏ ruộng đồng, bỏ sản xuất nông nghiệp. Các địa phương, tỉnh, huyện sẽ đi theo mô hình công nghiệp hóa tập trung cho đầu tư sản xuất công nghiệp.

Các tiểu vùng:

Đồng bằng sông Cửu Long là một vùng kinh tế với nông nghiệp là một ngành chủ yếu. Các kết nối của các ngành khác cũng xoay quanh đó. Tuy nhiên sự phát triển qua thời gian đã xuất hiện một số khác biệt có thể nhận thấy được khi quan sát.

Vùng ven biển (Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang) với thế mạnh kinh tế biển sẽ thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển. Hiện tại các tỉnh này cũng mới chỉ khác thác nguồn lợi từ biển như

đánh bắt hải sản, nuôi trồng thủy sản chỉ là một phần rất nhỏ khi nói về kinh tế biển.

Các tỉnh nằm vùng đệm như Long An, Tiền Giang, Bến Tre (chủ yếu là Tiền Giang và Long An) dựa vào mối quan hệ với Tp HCM, cơ sở hạ tầng của thành phố đã hình thành các cơ sở công nghiệp từ Tp HCM di chuyển với những ngành thâm dụng lao động như may mặc, da giày, hóa nhựa. Vùng này tới đây tiếp tục các ngành thâm dụng lao động, lắp ráp và mở sang dịch vụ để tận dụng lợi thế vị trí và đất đai.

Khu vực trung tâm bao gồm thành phố Cần Thơ với các đô thị vệ tinh như Sa Đéc (Đồng Tháp), Vĩnh Long (Vĩnh Long), Long Xuyên (An Giang), Vị Thanh (Hậu Giang), Sóc Trăng (Sóc Trăng) cần phát triển mạnh các ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, công nghiệp cơ khí, hóa dược, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học. Trong đó vai trò quan trọng nhất thuộc về thành phố Cần Thơ là trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm khoa học công nghệ của vùng, nắm giữ mạng lưới phân phối quan trọng. Vùng trung tâm đóng vai trò hỗ trợ cho các tỉnh ven biển và hành lang biên giới trong chiến lược phát triển.

Các tỉnh có biên giới như Long An, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang cũng có đặc thù riêng là Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên nằm trong các tỉnh này. Một hành lang đang hình thành bởi các tuyến quốc lộ đi qua nối từ Tp HCM đi qua vùng Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên nằm dọc theo biên giới đi ra biển Tây nối với Phú Quốc. Hành lang này sẽ đóng vai trò quan trọng khai thác vùng kinh tế biên giới, vùng đồng bằng và nối với hành lang kinh tế ven biển trong Tiểu vùng Mê Công.

2.3. Những ngành chủ yếu

Trong thập kỷ qua, ngành chính yếu ở ĐBSCL là nông nghiệp: lúa gạo, thủy sản; công nghiệp chế biến được xem như ngành liên quan và hỗ trợ cho nó. Trục chính trong kinh tế của vùng trong thập niên qua là nông nghiệp.

Trong thập niên tới, ĐBSCL tiếp tục tận dụng thế mạnh của lợi thế so sánh với lúa gạo, thủy sản, chăn nuôi, rau quả, nhưng trọng tâm sẽ chuyển sang công nghiệp chế biến. Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm là bước đi đầu tiên trong quá trình công nghiệp của vùng. Không chỉ xuất khẩu với những sản phẩm thô từ nguyên liệu thủy sản, mà tiến tới sản phẩm tinh chế, giá trị gia tăng cao hơn cho xuất khẩu và thị trường trong nước.

Nông nghiệp là ngành cung cấp một phần nguyên liệu đầu vào cho công nghiệp chế biến. Nông nghiệp không chỉ bao gồm lúa gạo, thủy sản, mà còn có thể với những ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm, bò sữa; không chỉ với cây ăn trái mà với cả rau, đậu.

Các ngành liên quan và hỗ trợ không chỉ là những ngành cấp một trong mối quan hệ giữa công nghiệp với nông nghiệp, những ngành như bao bì, thức ăn chăn nuôi, mà hình thành các ngành mới với độ phức tạp và chuyên sâu hơn. Công nghệ sinh học, công nghiệp dược phẩm, hương liệu, chế tạo cơ khí máy móc nông nghiệp, dịch vụ và quản trị nông nghiệp, dịch vụ công nghệ thông tin.

Những ngành liên quan đến lượt nó tạo ra nhu cầu về nhiều ngành hỗ trợ khác hình thành những cụm ngành (cluster) đan xen nhau đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả đầu tư vừa làm tăng qui mô kinh tế của vùng.

Cơ sở hạ tầng và thể chế cũng phải đi theo đó để đáp ứng nhu cầu phát triển. Không thể

qui hoạch phát triển với bất cứ ngành công nghiệp nào cho vùng ĐBSCL. Cũng không thể áp dụng mô hình công nghiệp như đã hình thành ở các tỉnh miền Đông, Bình Dương hay Đồng Nai vào đây.

Những ngành công nghiệp có nguy cơ gây nguy hại môi trường sản xuất nông nghiệp cần được loại trừ. Những ngành công nghiệp có độ ô nhiễm cao, dễ phát tán trong môi trường nước cũng cần phải loại trừ.

ĐBSCL không thích hợp với những nhà máy kết cấu qui mô, đòi hỏi hoạt động ổn định và yêu cầu chính xác cao. Những ngành công nghiệp với kết cấu qui mô, trọng lượng lớn trên đơn vị diện tích cũng nên được hạn chế xây dựng, bởi không phù hợp với kết cấu đất đai, thổ nhưỡng của vùng. Ngược lại những nhà máy qui mô nhỏ, loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ là lựa chọn phù hợp. Với công nghiệp phụ trợ cho ngành công nghiệp lắp ráp quốc gia thì nơi đây có thể là một lựa chọn, nhưng cũng chỉ nên giới hạn ở một số ngành gần với những ngành cơ khí cho nông nghiệp, cơ khí thủy sản.

2.4. Những đột phá từ đâu?

Có 4 yếu tố cần phải tập trung giải quyết là:

• *Cơ sở hạ tầng giao thông*

Phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông là điều kiện tiên quyết nhất đẩ phát triển kinh tế vùng. Không cải thiện được hệ thống giao thông thì không thể nói bất cứ điều gì liên quan đến chiến lược phát triển, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, cải thiện trình độ học vấn, chất lượng nguồn lực. Vấn đề của giao thông là kết nối vận chuyển từ trong vùng với đường ra quốc tế, các cảng biển lớn nối với tuyến hàng hải quốc tế, các cảng biển, cảng sông trong vùng với buôn bán khu vực..

Vấn đề hàng đầu là nâng cấp các tuyến đường trục chính trong vùng đến cảng biển quốc tế ở Tp HCM và Vũng Tàu. Hiện còn rất nhiều cầu trên trục giao thông chính có tải trọng yếu, xe container không thể qua được. Tình trạng này kéo dài thì hiệu quả trục đường cao tốc Tp HCM Trung Lương và sau này là Trung Lương Cần Thơ vẫn bị hạn chế.

Vấn đề thứ 2 trong giao thông là luồng cho tàu tải trọng 20 nghìn tấn vào đến Cần Thơ. Kênh Quan Chánh Bố là một giải pháp, nhưng từ triển khai cho đến thi công đã quá chậm. Một số chuyên gia tỏ ra bi quan khi cho rằng cho đến năm 2020 chưa chắc đã xong để đưa vào vận hành. Đã có nhiều ý kiến cho rằng ngay cả khi Kênh Quan Chánh Bố đưa vào vận hành, thì tàu có tải trọng 20 nghìn tấn ra vào qua kênh cũng giới hạn về số lượng bởi qui trình vận hành. Với các tàu tải trọng nhỏ hơn, theo luồng Định An đi ra biển vẫn là lựa chọn của họ. Thiếu những khai thông về hàng hải sẽ còn là khó khăn lâu dài cho vùng đồng bằng này. Hiện tại cảng Cái Cui ở Cần Thơ sau khi được đầu tư chỉ hoạt động cầm chừng, vì không có bao nhiêu tàu cập vào. Hầu hết lượng hàng vận chuyển từ xuất khẩu đến nhập khẩu gạo vẫn phải chuyển đến Tp HCM. Nạo vét luồng Định An vì thế đang được các nhà vận tải hết sức quan tâm.

Đường thủy là lợi thế của vùng cũng bị giới hạn lại bởi việc qua sông Chợ Gạo, Tiền Giang. Mỗi khi có sự cố xảy ra trên tuyến sông này thì ách tắc lại xảy ra mất nhiều ngày. Trong các tuyến đường thủy, tuyến vận chuyển từ An Giang và Đồng Tháp qua vùng Đồng Tháp Mười về Tp HCM khi xưa đi qua Long An thì đã bị chặn lại ở cống Rạch Chanh, công trình ngăn mặn. Một số tỉnh đề

nghị tháo dỡ công trình này cho giao thông thủy hoặc tìm thủy lộ thay thế.

Việc nạo vét cửa Tiểu cũng được một số tỉnh đề nghị để tàu 5 nghìn tấn ra vào thuận lợi giao thông cho các tỉnh nằm ven sông Tiền và tuyến hàng hải từ Việt Nam lên đến Phnompenh, Cămpuchia. Tăng cường buôn bán với Cămpuchia qua vùng ĐBSCL là hướng phát triển chiến lược lâu dài về kinh tế của vùng.

Nguồn nhân lực

Vấn đề vừa là quan trọng vừa hết sức cấp bách khi mà nhiều, rất nhiều năm qua ĐBSCL không thể rút ngắn khoảng cách so với nhiều vùng khác về nâng cao thêm trình độ học vấn của cư dân trong vùng. Lý do về kinh tế chỉ là một phần, lý do về xã hội, ý thức trong mỗi gia đình về việc học hành của con cái có thể là nguyên nhân đằng sau của việc yếu kém này.

Những hạn chế này làm cho cấu trúc kinh tế trong vùng rất khó vươn tới các ngành sản xuất đòi hỏi công nghệ trung bình, chứ chưa nói tới những ngành đòi hỏi công nghệ cao. Và với cấu trúc chỉ toàn các ngành công nghệ thấp, nhu cầu lao động chỉ ở mức giản đơn, thì số lao động được đào tạo hết sức ít ỏi, nếu có sẽ di chuyển sang nơi khác chứ không thể làm việc tại địa phương.

Đào tạo là một công việc, nhưng cần phải có những cơ sở kinh tế, cơ sở nghiên cứu để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng làm việc. Chỉ như vậy mới có thể giữ chân, thu hút lao động có chất lượng và mở rộng quá trình đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở địa phương.

Chất lượng nguồn nhân lực để tăng năng suất lao động, để chuyển đổi cơ cấu kinh tế để làm tăng hiệu quả đầu tư. Đây là điểm yếu triền miên từ nhiều năm nay, cần phải có những nỗ lực rất lớn mới có thể thay đổi. Tuy nhiên cải thiện chất lượng nguồn lực không đơn giản chỉ là mở nhiều lớp đào tạo lao động. Nó phải bao gồm nâng trình độ hiểu biết cơ bản từ nền tảng học vấn, gia tăng tỷ lệ người học hết phổ thông trung học, thay vì chủ yếu tốt nghiệp tiểu học và phổ thông cơ sở như hiện nay. Chất lượng nguồn nhân lực cũng phụ thuộc vào cơ cấu kinh tế sẽ thay đổi như thế nào. Với cấu trúc kinh tế hiện nay, lao động có trình độ học vấn cao, có kỹ năng cũng không ở lại để làm việc. Đào tạo lao động và cơ cấu kinh tế có mối quan hệ gắn bó nhau và tác động qua lại với nhau.

Đô thị hóa

Đô thị hóa tốt cho phép phát huy hiệu quả kinh tế nhờ qui mô, các ngành dịch vụ xuất hiện và tác động trở lại với các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp. Đô thị hóa tác động đến kinh tế không đơn giản là xây thêm các đô thị, nâng cấp các thị trấn thành thị xã, chuyển đô thị loại 4 lên loại 3 và từ thị xã lên thành phố. Tỷ lệ dân số sống trong vùng đô thị tăng lên là một trong nhiều chỉ dấu. Vấn đề là đô thị đó kết nối như thế nào đối với các vùng sản xuất lớn. Nó không chỉ là nơi tiêu thụ hàng hóa mà phải là nơi sản xuất hàng hóa, dịch vụ và phân phối ra vùng ngoại vi. Một đô thị có kết nối phải dựa vào giao thông, cơ sở hạ tầng, logictics. Một đô thị thu hút được lao động và lao động có chất lượng đến sống, làm việc phải có cơ sở y tế chữa trị tốt, trường học có chất lượng, kể cả hệ thống trường nước ngoài.

Tỷ lệ dân số ở đô thị trong toàn vùng chỉ đạt 23% theo điều tra dân số năm 2009, thấp hơn mức trung bình cả nước gần 7%. Khoảng cách này được giữ từ các cuộc điều tra trước trong các năm 1989 và 1999.

Các nghiên cứu đã chỉ ra vai trò đô thị đối

với quá trình phát triển kinh tế của địa phương. Sự hụt hơi trong quá trình tăng trưởng của các tỉnh ven biển so với Tp Cần Thơ và các tỉnh nằm gần Tp Cần Thơ. Sự vươn lên khá mạnh của Long An do vai trò tác động mở rộng của Tp HCM đã cho thấy vai trò của đô thị lớn.

Sự tăng trưởng chậm chạp về số lượng doanh nghiệp do cấu trúc kinh tế nghèo nàn là một minh chứng thêm về vai trò của đô thị đối với các ngành dịch vụ.

Các nghiên cứu trong vùng cho thấy những tỉnh có tỷ lệ dân số đô thị thấp như Bến Tre (10%), Vĩnh Long và Trà Vinh (15%), hay thậm chí trường hợp tỉnh Tiền Giang đều có số lượng doanh nghiệp đăng ký mới trước năm 2009 rất thấp, tốc độ tăng trưởng kinh tế cũng thấp. GDP tính trên đầu người cũng nằm ở nhóm cuối bảng trong vùng.

Đô thị đóng vai trò phát triển phải là đô thị có các kết nối cơ sở hạ tầng và đầu ra với bên ngoài, đến các thị trường ngoài vùng. Thành phố không chỉ là trung tâm tiêu thụ, mà vai trò trung tâm phân phối phải nổi bật hơn mới có tác động thực sự đối với vùng phụ cận, các chuỗi cung cấp và tiếp nhận.

Tp. Cần Thơ từ khi nâng lên thành đô thị loại I, trực thuộc trung ương được đầu tư nâng cấp, đã bước đầu phát huy vai trò thúc đẩy kinh tế, nhưng mức độ tác động vẫn còn rất hạn chế. Thiếu đường hàng không quốc tế, thiếu cảng biển, thiếu cả hệ thống cảng sông, logistics yếu kém thì Tp Cần Thơ không thể phát hay được vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế cả vùng.

Vấn đề của một đô thị cho phát triển là các kết nối, chứ không đơn giản chỉ là tập hợp các khu dân cư sống ở đô thị. Quan hệ kết nối của Cần Thơ với các đô thị phụ cận đến nay chưa thấy rõ. Vùng trọng điểm với 4 địa phương là Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang và Cà Mau chỉ là tập hợp 4 đơn vị hành chính hơn là các liên hệ kinh tế. Không có bất cứ mối liên hệ trong hệ thống sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, phân phối thì các mối quan hệ kinh tế cũng không hình thành. Vai trò vùng trọng điểm do vậy vẫn chưa có tác dụng.

Chiến lược phát triển đô thị phải được xem xét trong mối quan tâm ưu tiên về phát triển. Các đô thị phải có kết nối với cơ sở hạ tầng với các trục giao thông chính yếu của quốc gia và xét tới mối quan hệ liên kết hợp tác ngoài vùng và khu vực ngoài quốc gia. Sự mở rộng tầm hoạt động trên vùng biển Tây với đảo Phú Quốc là cứ điểm. Bên cạnh đó là mối quan hệ hợp tác với Cămpuchia, hành lang kinh tế biển đến Thái Lan để mở rộng không gian kinh tế của vùng là những tính toán chiến lược, chỉ có thể thực hiện được khi trong vùng có được những đô thị có tầm ảnh hưởng.

Cải thiện môi trường kinh doanh

Môi trường kinh doanh là yếu tố mềm cho phát triển. Môi trường kinh doanh tốt sẽ có nhiều người đến lập nghiệp, mở mang doanh nghiệp, thu hút lao động. Từ lâu chúng ta quen với các lý thuyết kinh tế tăng trưởng dựa vào các nhân tố đầu vào như đất đai, lao động, tiền vốn. Đặc biệt là vốn đầu tư trở thành khát khao ở mọi cấp. Những yếu tố đầu vào đó là cần thiết, nhưng để làm thế nào sử dụng chúng có hiệu quả thì cần phải có thể chế tốt cho môi trường kinh doanh năng động.

Cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư là điều kiện quan trọng phát triển doanh nghiệp thu hút đầu tư. Về điểm này ĐBSCl đã có những cải thiện đáng kể trong mấy năm

gần đây qua kết quả đánh giá PCI[3].

Đồng bằng sông Cửu Long cần vượt qua thách thức, khắc phục những yếu kém của mình, tận dụng những cơ hội và lợi thế đang có hướng đến chiến lược mới phát triển kinh tế của vùng và đóng góp đến mức cao nhất cho sự phát triển kinh tế của quốc gia./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục thống kê các tỉnh trong vùng ĐBSCL. Niên giám thống kê hàng năm từ năm 2000 đến năm 2010.
2. Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê các năm 2005 đến năm 2010.
3. Tổng cục Thống kê, Thực trạng doanh nghiệp qua kết quả điều tra năm 2007,2008 và 2009. Nxb Thống kê, H, 2010.
4. Tổng cục Thống kê, Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam năm 2009. Nxb Thống kê, 2011.
5. Tổng cục Thống kê, Một số kết quả chủ yếu từ khảo sát mức sống hộ dân cư năm 2010. Tài liệu trên website GSO.
6. VCCI- VNCI, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam năm 2005, 2006, 2007, 2008, 2009 và 2010. Báo cáo nghiên cứu chính sách. Wesite www.Pcivietnam.org.
7. Võ Hùng Dũng, Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, tháng 6 và 7/2003.
8. Võ Hùng Dũng, Đồng bằng sông Cửu Long cần sự chuyển hướng chiến lược kinh tế?, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế tháng 1và 2/2004
9. Võ Hùng Dũng Đầu tư nước ngoài ở Đồng bằng sông Cửu Long thực trạng và giải pháp. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, tháng 2/2005.
10. Võ Hùng Dũng, Chiến lược phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế tháng 7 và 8/2007.

[3] Các chuyên gia dự án VNCI cho rằng: nếu cải thiện 1 điểm trong PCI chưa có trọng số sẽ có thêm 3 nhà đầu tư tiềm năng chọn lựa tỉnh làm địa điểm đầu tư; nếu cải thiện 1 điểm trong chỉ số tính minh bạch (các chỉ số khác không đổi) sẽ giúp số doanh nghiệp/1 vạn dân tăng 13%, số đầu tư/đầu người tăng 17% và lợi nhuận trên mỗi doanh nghiệp tăng 62 triệu đồng; một điểm cải thiện trong chỉ số chất lượng đào tạo lao động sẽ giúp tăng 30% số doanh nghiệp/ 1 vạn dân, 47% đầu tư tính trên đầu người và 58 triệu đồng lợi nhuận trên mỗi doanh nghiệp Và nếu tăng diện tích đường giao thông được rải nhựa lên 10% thì số nhà đầu tư tiềm năng chọn tỉnh làm địa điểm kinh doanh tăng lên tương ứng (*Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam năm 2009, phần tóm tắt*).